

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

BÙI THỊ THANH LÊ

**CÁC ĐIỀU KIỆN NUÔI CON NUÔI
THEO LUẬT NUÔI CON NUÔI NĂM 2010**

Chuyên ngành: Luật dân sự và tố tụng dân sự

Mã số: 60 38 01 03

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Người hướng dẫn khoa học:* TS. NGUYỄN PHƯƠNG LAN**

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục biểu đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NUÔI CON NUÔI VÀ ĐIỀU KIỆN NUÔI CON NUÔI	6
1.1. Khái niệm nuôi con nuôi và ý nghĩa của việc nuôi con nuôi	6
1.1.1. Khái niệm nuôi con nuôi.....	6
1.1.2. Ý nghĩa của việc nuôi con nuôi	9
1.2. Khái niệm về điều kiện nuôi con nuôi	11
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc quy định điều kiện nuôi con nuôi	12
1.4. Sự cần thiết quy định điều kiện nuôi con nuôi	15
Chương 2: CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ THEO LUẬT NUÔI CON NUÔI NĂM 2010	19
2.1. Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi	19
2.2. Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi	24
2.3. Điều kiện về ý chí của các bên chủ thể	37
2.3.1. Sự thể hiện ý chí của người nhận nuôi con nuôi	37
2.3.2. Sự thể hiện ý chí của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được cho làm con nuôi.....	38
2.3.3. Sự thể hiện ý chí của người được nhận làm con nuôi	42
2.3.4. Sự thể hiện ý chí của Nhà nước	42
2.4. Đăng ký việc nuôi con nuôi	43
2.4.1. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	44
2.4.2. Đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	49
2.4.3. Vấn đề nuôi con nuôi thực tế và đăng ký nuôi con nuôi thực tế	59

Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU KIỆN NUÔI CON NUÔI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẤN ĐỀ NÀY.....	64
3.1. Thực trạng thực hiện pháp luật về điều kiện nuôi con nuôi	64
3.2. Thực tiễn thực hiện vấn đề đăng ký nuôi con nuôi thực tế	71
3.3. Một số vấn đề còn tồn tại trong việc áp dụng điều kiện nuôi con nuôi.....	76
3.3.1. Những khó khăn, vướng mắc.....	76
3.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên	82
3.4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về điều kiện nuôi con nuôi.....	83
3.4.1. Kiến nghị hoàn thiện thể chế pháp luật về điều kiện nuôi con nuôi	83
3.4.2. Giải pháp về tổ chức, thực hiện	85
KẾT LUẬN	87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	89

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài

Trẻ em là một nhóm xã hội non nớt, dễ bị tổn thương nhất, được toàn thể cộng đồng quốc tế quan tâm và bảo vệ. Một trong những quyền cơ bản của trẻ em được pháp luật quy định, bảo vệ là quyền được sống, được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường gia đình. Tuy nhiên không phải tất cả trẻ em sinh ra đều có cha mẹ và đều may mắn được sống trong môi trường gia đình. Trong xã hội còn nhiều trẻ em bị bỏ rơi, mồ côi, khuyết tật, sống trong các gia đình nghèo không có điều kiện nuôi dưỡng, cần một mái ấm gia đình thay thế. Một trong những biện pháp bảo đảm cho trẻ em một gia đình thay thế là cho trẻ làm con nuôi. Cho trẻ em làm con nuôi được xem là một giải pháp bảo vệ trẻ em, không để trẻ em phải sống lang thang, thiếu điều kiện phát triển. Theo báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hiện nay cả nước có khoảng 1,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt cần được chăm sóc, giúp đỡ bằng nhiều biện pháp khác nhau trong đó có việc tìm gia đình thay thế cho trẻ em ở trong nước và ở nước ngoài. Sự ra đời của Luật Nuôi con nuôi năm 2010 nói chung và việc quy định các điều kiện nuôi con nuôi nói riêng đã tạo điều kiện cho các cá nhân, gia đình có nhu cầu muốn nhận nuôi con nuôi, đồng thời cũng tạo cho các em có hoàn cảnh đặc biệt được sống trong gia đình giống như môi trường gia đình gốc của mình. Việc quy định các điều kiện nuôi con nuôi là cần thiết để đảm bảo cho trẻ em được nhận nuôi được sống trong môi trường gia đình an toàn, lành mạnh, được yêu thương chăm sóc. Đây cũng chính là một biện pháp nhằm ngăn ngừa các hành vi lợi dụng việc cho – nhận con nuôi vào mục đích khác như: hành vi trục lợi từ việc nuôi con nuôi, buôn bán trẻ em...

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: *“Các điều kiện nuôi con nuôi theo Luật nuôi con nuôi năm 2010”* nhằm mục đích phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về điều kiện nuôi con nuôi, các điều kiện của việc nuôi con nuôi theo Luật nuôi con nuôi năm 2010, thực tiễn áp dụng các điều kiện nuôi con nuôi trong giải quyết việc cho nhận con nuôi, qua đó đánh giá mặt tích

cực và hạn chế của các quy định về điều kiện nuôi con nuôi, đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về các điều kiện nuôi con nuôi ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NUÔI CON NUÔI VÀ ĐIỀU KIỆN NUÔI CON NUÔI

1.1. Khái niệm nuôi con nuôi và ý nghĩa của việc nuôi con nuôi

1.1.1. Khái niệm nuôi con nuôi

Khái niệm nuôi con nuôi có thể được xem xét dưới hai góc độ: góc độ xã hội và góc độ pháp lý.

* *Dưới góc độ xã hội*, nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha mẹ và con trên thực tế giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi nhằm đáp ứng những nhu cầu về tình cảm và lợi ích giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi mà không có sự công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* *Dưới góc độ là một sự kiện pháp lý*, nuôi con nuôi được hiểu là việc một người hoặc hai người là vợ chồng nhận nuôi một người khác không do họ sinh ra, nhằm xác lập quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật.

1.1.2. Ý nghĩa của việc nuôi con nuôi

Việc nhận nuôi con nuôi góp phần làm giảm gánh nặng của nhà nước trước tình trạng trẻ em lang thang, không nơi nương tựa, không nguồn nuôi dưỡng, hạn chế trẻ em có thể có hành vi vi phạm pháp luật hay mắc các tệ nạn xã hội do thiếu sự quan tâm, giáo dục... Đây là cơ sở để đảm bảo sự ổn định, phát triển của đất nước đồng thời cũng giảm đi gánh nặng đối với ngân sách nhà nước vì không phải đưa các em vào cơ sở bảo trợ xã hội mà vẫn đảm bảo được lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

Mặt khác, việc nhận nuôi con nuôi đem lại cho đứa trẻ một gia đình, ở đó đứa trẻ được hưởng sự yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng như những

đứa trẻ khác. Chúng sẽ không bị mặc cảm về hoàn cảnh của mình, có điều kiện tốt nhất để phát triển nhân cách, trí tuệ của bản thân. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo quyền cơ bản của trẻ em – quyền được sống trong môi trường gia đình. Còn đối với người nhận nuôi, việc nuôi con nuôi đem lại cho họ một đứa con phù hợp với nguyện vọng của họ. Đặc biệt đối với những cặp vợ chồng vô sinh, việc nhận con nuôi giúp họ thực hiện quyền làm cha mẹ của mình, họ được chăm lo, được thể hiện tình cảm của của những người làm cha mẹ với đứa con.

1.2. Khái niệm về điều kiện nuôi con nuôi

Dưới góc độ pháp lý, điều kiện nuôi con nuôi là sự thể hiện ý chí của nhà nước thông qua các quy phạm pháp luật quy định các điều kiện cần có đối với các chủ thể có liên quan trong việc cho - nhận con nuôi phù hợp với mục đích của việc nuôi con nuôi và trên cơ sở đó việc nuôi con nuôi được công nhận là hợp pháp.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc quy định điều kiện nuôi con nuôi

- Điều kiện kinh tế, xã hội trong một giai đoạn nhất định ảnh hưởng trực tiếp đến việc quy định các điều kiện nuôi con nuôi.

- Đường lối chủ trương của Nhà nước có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có việc nuôi con nuôi, là cơ sở để quy định các điều kiện nuôi con nuôi.

- Việc quy định điều kiện nuôi con nuôi bị chi phối bởi các nguyên tắc điều chỉnh pháp luật đối với việc nuôi con nuôi, trong đó nguyên tắc đảm bảo cho trẻ em được sống trong môi trường gia đình gốc là một nguyên tắc cơ bản chi phối việc quy định các điều kiện nuôi con nuôi.

- Phong tục tập quán, truyền thống văn hóa, đạo đức, lối sống cũng ảnh hưởng đến việc quy định các điều kiện của việc nuôi con nuôi.

- Việc nuôi con nuôi quy định dựa trên các văn bản pháp luật quốc tế về quyền trẻ em.

1.4. Sự cần thiết quy định điều kiện nuôi con nuôi

- Quy định các điều kiện của việc nuôi con nuôi để bảo vệ lợi ích của người được nhận nuôi.

- Quy định các điều kiện của người nhận nuôi sẽ tạo ra một môi trường gia đình an toàn, lành mạnh trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Quy định các điều kiện đối với trẻ em được nhận làm con nuôi về độ tuổi, hoàn cảnh gia đình...mới được cho làm con nuôi sẽ đảm bảo quyền trẻ em được sống trong gia đình gốc ruột thịt của mình.

- Quy định điều kiện nuôi con nuôi sẽ tạo ra khung pháp lý, một hành lang pháp lý để bảo vệ đứa trẻ được cho làm con nuôi.

- Các điều kiện nuôi con nuôi là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận một quan hệ nuôi con nuôi là hợp pháp, vừa là cơ sở để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quan hệ nuôi con nuôi.

Chương 2

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ VIỆC NUÔI CON NUÔI CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ THEO LUẬT NUÔI CON NUÔI NĂM 2010

2.1. Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi

Theo quy định tại Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 thì điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi được quy định như sau:

- Người được nhận làm con nuôi là “trẻ em dưới 16 tuổi”

- Trong trường hợp người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể được cho làm con nuôi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi;

b) Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi.”

- Người được nhận làm con nuôi chỉ được cho làm con nuôi trong trường hợp: “của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng”

2.2. Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi

Điều kiện đối với người nhận nuôi con nuôi được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật nuôi con nuôi năm 2010, bao gồm các điều kiện sau:

- Người nhận nuôi con nuôi phải “có năng lực hành vi dân sự đầy đủ”

- Người nhận nuôi con nuôi phải “hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên”

- Người nhận nuôi con nuôi phải “có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi”

- Người nhận nuôi con nuôi “phải có tư cách đạo đức tốt”

Khoản 2 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi đã quy định những người không được nhận nuôi con nuôi là:

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên;
- Người đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Người đang chấp hành hình phạt tù;
- Người chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Các điều kiện đối với người nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài: Điều kiện của người nhận nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phân biệt thành hai trường hợp (Điều 29 Luật Nuôi con nuôi): đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài nhận người Việt Nam làm con nuôi phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nước nơi người đó thường trú và quy định tại Điều 14 Luật Nuôi con nuôi; đối với công dân Việt Nam nhận người nước ngoài làm con nuôi phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi và pháp luật của nước nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.

Người nước ngoài nhận nuôi con nuôi là trẻ em Việt Nam trong hai trường hợp:

* Xin con nuôi thông thường: là những trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi bao gồm:

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước cùng là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi với Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi;
- Công dân Việt Nam thường trú ở trong nước nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

- Người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi ở Việt Nam.

Về nguyên tắc, người xin nhận con nuôi phải thường trú ở những nước là thành viên của điều ước quốc tế hợp tác về nuôi con nuôi với

Việt Nam và đáp ứng đủ các điều kiện của người nhận nuôi con nuôi theo Luật Nuôi con nuôi, cũng như pháp luật của nước nơi người nhận nuôi thường trú.

* Xin con nuôi đích danh: người nhận nuôi con nuôi ngoài việc phải thỏa mãn các điều kiện như đối với trường hợp xin con nuôi thông thường còn phải thuộc một trong các trường quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi, đó là:

- Người nhận nuôi là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài nhưng là cha dượng, mẹ kế của người được nhận là con nuôi hoặc là cô, dì, cậu, chú, bác ruột của cháu được nhận nuôi con nuôi.

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài đã có con nuôi được xin đích danh trẻ là anh, chị, em ruột của con nuôi làm con nuôi.

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài xin nhận đích danh trẻ em khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc các bệnh hiểm nghèo khác làm con nuôi.

- Là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm.

2.3. Điều kiện về ý chí của các bên chủ thể

Sự thể hiện ý chí của các bên chủ thể có liên quan là yếu tố thiết yếu cần thiết, tạo cơ sở để giải quyết việc nuôi con nuôi. Chỉ khi việc nuôi con nuôi là sự thể hiện đúng ý chí tự nguyện của các chủ thể thì việc nuôi con nuôi mới thực sự bền vững, mới tạo cho trẻ em một mái ấm mà ở đó trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nhất.

2.3.1. Sự thể hiện ý chí của người nhận nuôi con nuôi

Ý chí của người nhận nuôi con nuôi phải trên cơ sở tự nguyện, có suy nghĩ kỹ càng trước khi quyết định nhận nuôi con nuôi (khoản 3 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi). Sự tự nguyện đó phải xuất phát từ nhu cầu tình cảm, tinh thần của người nhận nuôi con nuôi và phù hợp với lợi ích của người được nhận làm con nuôi thì mới được coi là hợp pháp. Nếu việc nhận nuôi con nuôi xuất phát từ những động cơ, mục đích trái pháp luật, trái đạo đức sẽ không được công nhận có giá trị pháp lý.

2.3.2. Sự thể hiện ý chí của cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được cho làm con nuôi

Khoản 3 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi quy định việc cho con làm con nuôi phải xuất phát từ sự tự nguyện và ý chí độc lập của cha mẹ đẻ trên cơ sở lợi ích của đứa trẻ, với mong muốn đứa trẻ sẽ có môi trường sống tốt hơn. Sự tự nguyện này được hình thành trên cơ sở nhận thức được đầy đủ ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc cho con làm con nuôi, phù hợp với mong muốn và tình cảm của cha mẹ đẻ, phù hợp với lợi ích của người con nuôi. Mọi sự đồng ý cho con làm con nuôi vì mục đích trục lợi đều không phù hợp với bản chất của việc nuôi con nuôi và không phải tự nguyện thật sự. Sự đồng ý đó phải được thể hiện một cách khách quan bằng văn bản và phải được xác nhận của uỷ ban nhân dân cấp cơ sở nơi cư trú của cha mẹ đẻ.

Sự đồng ý của cha mẹ đẻ là điều kiện bắt buộc để việc nuôi con nuôi có giá trị pháp lý. Còn nếu cha mẹ đẻ đã chết, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được cha mẹ thì phải được sự đồng ý của người giám hộ. Như vậy, người giám hộ chỉ có quyền thể hiện ý chí cho người mà mình giám hộ làm con nuôi khi cả cha mẹ đẻ của người đó đều không xác định được hoặc đều đã chết, bị tuyên bố chết hoặc đều mất năng lực hành vi dân sự. Người giám hộ ở đây có thể là người giám hộ đương nhiên, người giám hộ được cử hoặc người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng. Theo quy định của pháp luật, người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng chỉ có quyền đồng ý cho trẻ em đang sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi “trong trường hợp trẻ em có nguồn gốc bị bỏ rơi, bị bỏ lại cơ sở y tế hoặc khi trẻ em đó được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng đã có giấy của cha mẹ đẻ đồng ý cho con làm con nuôi hoặc cha mẹ đẻ của trẻ em đó mất năng lực hành vi dân sự(...)”. Giấy thoả thuận đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của người giám hộ phải có xác nhận của uỷ ban nhân dân cơ sở nơi cư trú của người giám hộ.

2.3.3. Sự thể hiện ý chí của người được nhận làm con nuôi

Khoản 1 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi quy định trường hợp nhận trẻ em từ đủ 9 tuổi trở lên làm con nuôi thì phải được sự đồng ý của trẻ em đó. Sự đồng ý của trẻ được nhận nuôi phải được thể hiện bằng những hình thức nhất định để đảm bảo sự đồng ý của trẻ là thật sự chứ không phải chỉ

là sự tham khảo ý kiến của trẻ. Sự đồng ý của trẻ phải trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, trung thực, không bị ép buộc, không bị đe dọa hay mua chuộc, không vụ lợi, không kèm theo yêu cầu trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác (Khoản 3 Điều 21 Luật Nuôi con nuôi).

2.3.4. Sự thể hiện ý chí của Nhà nước

Ý chí của Nhà nước được thể hiện qua việc công nhận hoặc không công nhận việc nuôi con nuôi trên cơ sở xem xét ý chí tự nguyện của các bên đương sự, thẩm tra các điều kiện cần thiết về phía người nhận nuôi và người được nhận làm con nuôi, cũng như mục đích của việc nuôi con nuôi. Việc nuôi con nuôi chỉ có giá trị pháp lý khi nó được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận theo những trình tự, thủ tục quy định. Sự công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể hiện qua việc tiến hành đăng kí nuôi con nuôi và ra quyết định công nhận nuôi con nuôi. Quyết định công nhận nuôi con nuôi là cơ sở pháp lí làm phát sinh quan hệ pháp luật cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và đứa trẻ được nhận nuôi, phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ nuôi con nuôi. Vì vậy trong quá trình thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi, các điều kiện của việc nuôi con nuôi phải được xem xét một cách đầy đủ và toàn diện. Nếu các bên không có đủ các điều kiện mà pháp luật quy định thì cơ quan đăng ký có quyền từ chối việc đăng ký này.

2.4. Đăng ký việc nuôi con nuôi

Đăng ký nuôi con nuôi là việc kiểm tra sự tuân thủ các điều kiện nuôi con nuôi của các bên chủ thể và là một thủ tục để công nhận việc nuôi con nuôi có giá trị pháp lý. Chỉ khi việc nuôi con nuôi được đăng ký mới làm phát sinh quan hệ cha mẹ và con giữa người nhận nuôi và con nuôi. Khi đó, đứa trẻ nhận nuôi sẽ được hưởng các quyền cơ bản của người con trong gia đình của cha mẹ nuôi, đó là: quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền được học hành, quyền sở hữu tài sản, quyền thừa kế tài sản... Việc đăng ký được thực hiện đúng sẽ góp phần giúp cơ quan chức năng quản lý tốt dân số, đảm bảo được quyền, lợi ích chính đáng của các chủ thể trong việc nuôi con nuôi. Chính vì vậy, đăng ký nuôi con nuôi cũng được coi là một điều kiện quan trọng để việc nuôi con nuôi có giá trị pháp lý.

Việc đăng ký nuôi con nuôi bao gồm: đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước và đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2.4.1. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

**Về thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước* thuộc về UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi. Theo quy định này, người nhận con nuôi có thể nộp hồ sơ xin nhận con nuôi tại UBND cấp xã của một trong hai nơi.

Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa được chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng và chưa đăng ký hộ khẩu thường trú thì UBND cấp xã nơi lập biên bản xác nhận trẻ em bị bỏ rơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi (Khoản 1 Điều 2 Nghị định 19/2011/NĐ-CP). Đối với trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng thì UBND cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ/chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi hoặc có sự thỏa thuận của người nhận con nuôi với cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được nhận làm con nuôi thì việc nuôi con nuôi được đăng ký tại UBND cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi.

** Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi:* Người nhận nuôi con nuôi cần chuẩn bị hồ sơ xin nhận con nuôi và hồ sơ của trẻ được giới thiệu làm con nuôi. Hồ sơ của người nhận con nuôi được quy định tại Điều 17 Luật Nuôi con nuôi và quy định chi tiết tại Nghị định 19/2011/NĐ-CP.

Hồ sơ của trẻ được giới thiệu làm con nuôi trong nước được quy định tại Điều 18 Luật Nuôi con nuôi.

Việc lập hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi sống tại gia đình do cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em đó chuẩn bị. Đối với những trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng việc lập hồ sơ của trẻ do Cơ sở nuôi dưỡng những trẻ em đó thực hiện.

** Trình tự đăng ký việc nuôi con nuôi:* Người nhận con nuôi phải nộp hồ sơ của mình và hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi tại UBND cấp xã nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú hoặc nơi người nhận con nuôi thường trú. Thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi là 30 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Việc cho trẻ em làm con nuôi là giải pháp cuối cùng vì lợi ích tốt nhất của trẻ em, nên công chức tư pháp – hộ tịch phải tư vấn đầy đủ cho những người liên quan về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ đối với con theo quy định tại khoản 4 Điều 24 của Luật Nuôi con nuôi, nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác.

Việc đăng ký nuôi con nuôi được tiến hành tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi đăng ký nuôi con nuôi, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và người được nhận làm con nuôi phải có mặt. Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch. Việc nuôi con nuôi có hiệu lực kể từ ngày cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

2.4.2. Đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài bao gồm 4 loại việc sau: đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam; đăng ký việc nuôi con nuôi tại khu vực biên giới; đăng ký nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau tạm trú ở nước ngoài và công nhận việc nuôi con nuôi đã được tiến hành tại nước ngoài.

2.4.2.1. Đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

Việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam bao gồm các trường hợp Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận con nuôi là trẻ em Việt Nam hoặc công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em là người ngoài làm con nuôi và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam do Sở tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi đăng ký (khoản 2 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi năm 2010). Tuy nhiên, quyết định công nhận việc nuôi con nuôi

có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trình tự, thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam: Theo Điều 17 Nghị định 19/2011/NĐ-CP thủ tục nộp và tiếp nhận hồ sơ của người nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài có 2 trường hợp:

Đối với trường hợp thông thường, người nhận nuôi con nuôi cần chuẩn bị hồ sơ xin nhận con nuôi theo Điều 31 Luật Nuôi con nuôi. Hồ sơ của trẻ được giới thiệu làm con nuôi quy định tại Điều 32 Luật Nuôi con nuôi. Việc lập hồ sơ của trẻ được giới thiệu làm con nuôi do cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người được giới thiệu làm con nuôi sống tại gia đình và cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

Trẻ em Việt Nam chỉ được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài sau khi đã thực hiện mọi biện pháp tìm kiếm gia đình thay thế cho trẻ ở trong nước mà không được. Việc tìm gia đình thay thế cho trẻ được thực hiện theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi.

Việc thẩm tra xác nhận trẻ có đủ điều kiện để giới thiệu làm con nuôi nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi và Điều 16 Nghị định 19/2011/NĐ-CP.

Trường hợp xin con nuôi đích danh quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi quy định là trường hợp cá nhân hoặc cặp vợ chồng xin nhận một đứa trẻ đã xác định làm con nuôi mà không phải qua giới thiệu. Việc xin đích danh được thực hiện theo những điều kiện nhất định được Luật Nuôi con nuôi quy định cụ thể và chặt chẽ hơn so với nhận nuôi con nuôi thông thường.

Hồ sơ của người nhận con nuôi đích danh quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Nuôi con nuôi và Điều 13 Nghị định 19/2011/NĐ-CP gồm có: các giấy tờ đầy đủ của người nhận nuôi theo quy định như trong trường hợp nhận nuôi con nuôi thông thường. Ngoài ra, người nhận con nuôi đích danh còn chuẩn bị thêm các tài liệu chứng minh thuộc một trong các trường hợp được xin đích danh quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi.

** Trình tự, thời hạn giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài:*

Người xin nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài nộp hồ sơ xin nhận con nuôi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thủ tục nộp và tiếp nhận hồ sơ của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Nuôi con nuôi và quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định 19/2011/NĐ-CP.

Sau khi xem xét và tiếp nhận hồ sơ Cục Nuôi con nuôi sẽ kiểm tra và thẩm định hồ sơ để xác định người nhận con nuôi đã được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người đó thường trú bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện nuôi con nuôi theo pháp luật của nước đó và người nhận con nuôi đáp ứng đủ điều kiện nuôi con nuôi theo pháp luật Việt Nam (Khoản 1 Điều 18 Nghị định 19/2011/NĐ-CP).

Trình tự giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài được thực hiện theo quy định Điều 36 Luật Nuôi con nuôi và quy định cụ thể tại Điều 20 Nghị định 19/2011/NĐ-CP. Sau khi hoàn tất thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi và có quyết định cho trẻ em đi làm con nuôi ở nước ngoài của UBND cấp tỉnh, người nhận con nuôi phải có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi; trường hợp vợ chồng xin nhận con nuôi mà một trong hai người vì lý do khách quan không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi thì phải có ủy quyền cho người kia. Sở Tư pháp sẽ đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp, với sự có mặt của đại diện Sở Tư pháp, trẻ em được nhận làm con nuôi, cha mẹ nuôi, đại diện cơ sở nuôi dưỡng đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ cơ sở nuôi dưỡng hoặc cha mẹ đẻ, người giám hộ của trẻ em đối với trẻ em được xin nhận làm con nuôi từ gia đình. Việc giao nhận con nuôi phải được lập thành biên bản, có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên và đại diện Sở Tư pháp.

Có thể nói thủ tục đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam là loại việc chủ yếu chiếm số lượng lớn nhất trong các loại việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Việc cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài là vấn đề cực kỳ hệ trọng, liên quan đến số phận của một con

người sẽ phải sống xa quê hương, đất tổ của mình. Một quyết định không được cân nhắc kỹ lưỡng, thiếu chính xác, nhận thức không đúng về vấn đề nuôi con nuôi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích cơ bản của trẻ em. Vì vậy, việc thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là yêu cầu cần thiết đảm bảo cho lợi ích của những trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài.

2.4.2.2. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới

Về thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi của người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới của nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới của Việt Nam làm con nuôi thuộc Ủy ban nhân cấp xã nơi thường trú của trẻ em được nhận làm con nuôi (khoản 2 Điều 21 Nghị định 19/2011/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục đăng ký nuôi con nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định 19/NĐ-CP đó là:

Người nhận nuôi cần chuẩn bị bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 19/NĐ-CP và nộp bộ hồ sơ của mình và hồ sơ của trẻ được cho làm con nuôi tại UBND cấp xã. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan và có văn bản gửi Sở Tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và 01 bộ hồ sơ của trẻ em để xin ý kiến. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tư pháp xem xét hồ sơ xin nhận con nuôi và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp, thì Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký việc nuôi con nuôi và tiến hành giao nhận con nuôi theo thủ tục quy định.

Đối với trường hợp công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới của nước láng giềng làm con nuôi tại Điều 22 Nghị định 19/2011/NĐ-CP quy định thẩm quyền đăng ký thuộc cơ quan của nước có trẻ em làm con nuôi. Sau khi đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng, người nhận con nuôi phải làm thủ tục ghi chú việc nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân xã, nơi người đó thường trú.

2.4.2.3. Nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau tạm trú ở nước ngoài

Thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau tạm trú ở nước ngoài thuộc Cơ quan đại diện nơi tạm trú của người được nhận làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi; trường hợp cả hai bên tạm trú ở nước không có Cơ quan đại diện, thì người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện nào thuận tiện nhất đối với họ (Khoản 3 Điều 2 Nghị Định 19/2011/NĐ-CP).

Trình tự, thủ tục đăng ký nuôi con nuôi thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định 19/2011/NĐ-CP: Người nhận con nuôi trực tiếp nộp hồ sơ của mình và hồ sơ của người được nhận làm con nuôi tại Cơ quan đại diện có thẩm quyền. Trong thời hạn 10 này, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đại diện kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến của những người liên quan về việc nuôi con nuôi. Việc kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến của những người liên quan. Nếu xét thấy các bên có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày lấy ý kiến của những người liên quan, Cơ quan đại diện đăng ký việc nuôi con nuôi.

2.4.2.4. Thủ tục công nhận việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Đây là trường hợp công dân Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam hoặc trẻ em nước ngoài làm con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài sẽ được công nhận tại Việt Nam và ghi chú vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi.

2.4.3. Vấn đề nuôi con nuôi thực tế và đăng ký nuôi con nuôi thực tế

Theo quy định của Luật nuôi con nuôi, việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau chưa đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Luật này có hiệu lực (ngày 01/01/2011) thì sẽ được đăng kí trong thời hạn 05 năm, nếu các bên đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 50, đó là:

- *Các bên có đủ điều kiện về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh quan hệ nuôi con nuôi;*

- Đến thời điểm Luật này có hiệu lực, quan hệ cha, mẹ và con vẫn đang tồn tại và cả hai bên còn sống;

- Giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhau như cha mẹ và con.

Về thẩm quyền đăng ký nuôi con nuôi thực tế: theo hướng dẫn tại Điều 23 Nghị định 19/2011/NĐ-CP thời hạn đăng ký từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2015 tại UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú của cha mẹ nuôi hoặc con nuôi. Việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế cũng được áp dụng đối với trường hợp công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nhận trẻ em nước láng giềng làm con nuôi trước ngày 01/01/2011 mà chưa đăng ký. Sau khi được đăng ký, quan hệ nuôi con nuôi sẽ có giá trị pháp lý kể từ thời điểm phát sinh quan hệ nuôi con nuôi.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC ĐIỀU KIỆN NUÔI CON NUÔI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẤN ĐỀ NÀY

3.1. Thực trạng thực hiện pháp luật về điều kiện nuôi con nuôi

Kể từ khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực đến nay, trên cả nước đã giải quyết được 7.295 trường hợp đăng ký nuôi con nuôi trong nước và 1.234 trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Trong đó có 543 trường hợp được hoàn tất thủ tục theo Nghị định số 68/2002/NĐ-CP, 691 trường hợp được giải quyết theo quy định của Luật Nuôi con nuôi.

Qua báo cáo của các tỉnh/thành phố trong cả nước về tình hình thực hiện Luật Nuôi con nuôi, phần lớn các trường hợp đăng ký nuôi con nuôi được giải quyết theo đúng thẩm quyền và thủ tục. Người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật Nuôi con nuôi. Các bước lấy ý kiến đồng ý cho trẻ làm con nuôi, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi nhìn chung được bảo đảm chặt chẽ, đầy đủ. Công tác giải quyết việc nuôi con nuôi được thực hiện đúng tinh thần nhân

đạo, tự nguyện nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con, đảm bảo trẻ em được nhận làm con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trong môi trường gia đình. Sau khi được nhận làm con nuôi, trẻ em có sức khỏe tốt, phát triển bình thường về tâm lý, thể chất và nhân cách.

Về lý do nhận con nuôi, đa số người nhận con nuôi thuộc trường hợp hiếm muộn, vô sinh, phụ nữ độc thân muốn nhận con nuôi để có mẹ có con và để nương tựa khi tuổi già. Có một số ít gia đình mặc dù đã đông con nhưng vẫn nhận trẻ mồ côi làm con nuôi vì mục đích nhân đạo. Tuy nhiên, vẫn có không ít trường hợp xuất phát từ tư tưởng phân biệt giới tính, muốn nhận con nuôi để có nếp có tẻ. Đây là nếp nghĩ đã ăn sâu vào tiềm thức của người Việt Nam, khó có thể khắc phục một sớm một chiều. Ngoài ra, còn có trường hợp trẻ sơ sinh bị bỏ rơi trên đường phố, trước cơ sở nuôi dưỡng hoặc trẻ đi lạc, lang thang cơ nhỡ trong khu dân cư. Những trẻ em này thường được các gia đình, công dân trong nước phát hiện, nuôi dưỡng và xin nhận làm con nuôi.

Khó khăn lớn nhất hiện nay trong việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước là kiến thức pháp luật về nuôi con nuôi của người dân còn rất hạn chế, nhất là ở vùng núi, nông thôn. Do nhận thức đơn giản, nên việc thực hiện thủ tục nhận nuôi con nuôi đối với trẻ em bị bỏ rơi thường rất sơ sài. Đa số trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, người phát hiện không thông báo cho cơ quan Công an, UBND cấp xã nơi trẻ em bị bỏ rơi để lập biên bản xác nhận tình trạng bị bỏ rơi của trẻ em. Nhiều trường hợp người dân tự đem trẻ em về nuôi dưỡng mà không làm thủ tục. Do vậy, sau một thời gian dài khi cha, mẹ nuôi làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con thì rất khó thực hiện, vì lúc này việc xác định nguồn gốc và tình trạng trẻ em bị bỏ rơi là hết sức khó khăn và phức tạp. Việc không xác định được tình trạng trẻ em bị bỏ rơi để lập biên bản và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, nên UBND cấp xã nơi có trẻ em hiện đang sinh sống không đủ cơ sở để đăng ký khai sinh. Điều này gây khó khăn trong việc giải quyết nuôi con nuôi, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của trẻ em.

Mặt khác, kể từ khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực, tại một số tỉnh, thành phố đã nổi lên hiện tượng sư trụ trì, nhà chùa đăng ký nhận trẻ em

đang được nuôi dưỡng trong chùa làm con nuôi. Một số địa phương đã tiến hành thủ tục đăng ký cho những trẻ em đó. Cho đến nay, theo báo cáo của các tỉnh, thành phố có 151 trường hợp trẻ em được các sư trụ trì nhà chùa nhận làm con nuôi theo thủ tục đăng ký nuôi con nuôi. Việc nhà chùa tham gia nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là việc làm có ý nghĩa nhưng nó khác hoàn toàn với việc sư trụ trì chùa và nhà chùa đăng ký nhận những trẻ em này làm con nuôi nhằm xác lập quan hệ cha mẹ con giữa người nhận con nuôi và trẻ em được nhận làm con nuôi. Do đó, việc nhà chùa, sư trụ trì nhận trẻ em sống trong chùa làm con nuôi là chưa bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em, không duy trì môi trường sống thích hợp cho trẻ. Nhà chùa có thể cư mang, nuôi dưỡng trẻ em trong một khoảng thời gian nhất định, nhưng không phải là một môi trường gia đình của trẻ, không thể là môi trường tốt nhất cho việc hình thành, giáo dục phát triển nhân cách của trẻ.

3.2. Thực tiễn thực hiện vấn đề đăng ký nuôi con nuôi thực tế

Công tác thực hiện đăng ký nuôi con nuôi thực tế được triển khai kể từ khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực bước đầu thuận lợi mang ý nghĩa to lớn nhằm bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của các bên và góp phần hạn chế các tranh chấp, hệ lụy phát sinh từ quan hệ nuôi con nuôi thực tế. Theo thống kê chưa đầy đủ, trên 63 tỉnh/thành phố có 6239 trường hợp nuôi con nuôi thực tế đã được rà soát và thống kê. Trong đó có 3264 trường hợp đáp ứng đủ điều kiện theo Điều 50 của Luật Nuôi con nuôi; 1221 trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế đã được đăng ký từ ngày 01/01/2011 đến nay là 1754 trường hợp. Còn nhiều trường hợp mặc dù các bên đã có đủ điều kiện đăng ký theo quy định nhưng không tiến hành việc đăng ký, dẫn đến số các trường hợp đã được đăng ký tính từ ngày 01/01/2011 đến nay chỉ chiếm 34% số lượng các trường hợp nuôi con nuôi thực tế.

Nguyên nhân của hiện tượng trên là do nhận thức pháp luật của nhiều người dân còn hạn chế, không hiểu hết được quyền và lợi ích của mình trong việc đăng ký nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền nên nhiều người còn ngại tiến hành thủ tục đăng ký con nuôi, việc thực hiện các thủ tục đối với trẻ em bị bỏ rơi còn thực hiện sơ sài.

Ngoài ra, nguyên nhân của việc các bên không đăng ký nuôi con nuôi thực tế là do các bên không đủ điều kiện đăng ký nuôi con nuôi như: một bên cha/mẹ nuôi hoặc con nuôi đã chết, quan hệ nuôi con nuôi không còn tồn tại, không đủ điều kiện về độ tuổi (cha/mẹ nuôi và con nuôi cách nhau dưới 20 tuổi), hoặc không có đầy đủ giấy tờ để tiến hành đăng ký nuôi con nuôi thực tế.

Hiện nay số các trường hợp đủ điều kiện để đăng ký nuôi con nuôi thực tế còn rất nhiều, tuy nhiên thời hạn đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế chỉ còn hơn 6 tháng. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ nuôi con nuôi thực tế cần có các biện pháp cụ thể, quyết liệt hơn.

3.3. Một số vấn đề còn tồn tại trong việc áp dụng điều kiện nuôi con nuôi

3.3.1. Những khó khăn, vướng mắc

Ngoài những kết quả đạt được, quá trình thực hiện Luật nuôi con nuôi còn gặp một số vấn đề tồn tại trong việc áp dụng điều kiện nuôi con nuôi, đó là:

- Bất cập về nhận thức dẫn đến tình trạng khó thay đổi trong hành động phù hợp với Luật nuôi con nuôi.

- Khó khăn trong việc xác định điều kiện nuôi con nuôi trong thực tiễn.

- Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi bộc lộ một số điểm vướng mắc như: thủ tục lấy ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ trẻ em; Quy định về sự thể hiện ý chí của cha mẹ đẻ đối với việc cho con đi làm con nuôi...

- Còn thiếu những quy định hoặc văn bản hướng dẫn trong một số trường hợp nhận nuôi con nuôi cụ thể.

- Khó khăn trong việc lập hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi, bởi Luật Nuôi con nuôi quy định về hồ sơ của người nhận con nuôi trong nước phức tạp hơn nhiều so với quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP dẫn đến việc người dân có tâm lý ngại đi đăng ký nuôi con nuôi và tự đem trẻ về nuôi dưỡng, coi nhau như cha mẹ con mà không tiến hành đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

3.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên

3.3.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Luật Nuôi con nuôi có nhiều điểm mới, trong đó có điểm mới nhất là sự liên thông giữa con nuôi trong nước với con nuôi nước ngoài và sự tách bạch giữa hỗ trợ nhân đạo và việc cho nhận con nuôi. Chính những điểm mới của Luật Nuôi con nuôi làm cho cán bộ tư pháp và người dân chưa kịp thay đổi nhận thức dẫn đến tình trạng thực hiện Luật chậm trễ và chưa thực sự có hiệu quả.

- Nhiều quy định trong Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn thi hành phức tạp hoặc chưa cụ thể dẫn đến khó áp dụng vào thực tế.

- Luật Nuôi con nuôi chưa điều chỉnh hết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

3.3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức pháp luật về nuôi con nuôi chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến nhận thức về việc đăng ký nuôi con nuôi còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc thực hiện Luật Nuôi con nuôi.

- Nguồn lực con người và nguồn lực vật chất bảo đảm triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi chưa được quan tâm và đầu tư thỏa đáng.

- Việc ứng dụng công nghệ tin học phục vụ công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi cũng chưa được quan tâm đầu tư thích đáng.

3.4. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về điều kiện nuôi con nuôi

3.4.1. Kiến nghị hoàn thiện thể chế pháp luật về điều kiện nuôi con nuôi

Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về nuôi con nuôi.

Cụ thể là:

- *Bổ sung các quy định về điều kiện của người được nhận làm con nuôi*

+ Cần quy định thêm điều kiện khác đối với trẻ em được cho làm con nuôi: cụ thể ngoài quy định về độ tuổi tại Điều 8 Luật Nuôi con nuôi Luật nên quy định những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi, bị bệnh tật thì mới được nhận làm con nuôi để tránh tình trạng lợi dụng việc nuôi con nuôi vào những mục đích khác. Trừ trường hợp cô, dì, chú, bác, cậu ruột nhận cháu làm con nuôi; bố dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ/chồng làm con nuôi.

- *Đối với điều kiện của người nhận con nuôi*

+ Luật nên quy định khoảng cách độ tuổi tối thiểu và độ tuổi tối đa của người nhận con nuôi. Độ tuổi tối thiểu cho phép một người được nhận con nuôi là 25. Độ tuổi tối đa của người nhận con nuôi là không quá 60 tuổi.

+ Nghiên cứu bổ sung quy định về thủ tục nhận con nuôi của vợ/chồng làm con nuôi trong trường hợp người độc thân nhận con nuôi, sau đó kết hôn theo hướng nhận con riêng của vợ/chồng làm con nuôi. Việc nhận con nuôi trong trường hợp này cần đơn giản thủ tục và hồ sơ để tạo thuận lợi cho người dân.

+ Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 4 Luật Nuôi con nuôi theo hướng vợ hoặc chồng của cô, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì cũng được áp dụng quy định này. Quy định như vậy đảm trẻ em có nhiều hơn cơ hội được sống với những người thân thích trong gia đình mở rộng của trẻ.

+ Người nhận con nuôi cần cung cấp các tài liệu để xác định điều kiện thực tế và tư cách đạo đức của mình.

+ Luật nên quy định cấm những người bị mắc bệnh hiểm nghèo, lây lan như HIV/AIDS, viêm gan...không được nhận con nuôi.

+ Bổ sung quy định về người bị cấm nhận con nuôi trong Điều 13 Luật Nuôi con nuôi là: cấm cha đẻ, mẹ đẻ không được nhận con đẻ ngoài giá thú làm con nuôi.

+ Về người có quyền đồng ý cho trẻ làm con nuôi, luật nên bổ sung thêm quy định nếu trong trường hợp cha, mẹ ly hôn nhưng không liên lạc được với nhau, cha hoặc mẹ bỏ đi không biết tin tức gì thì chỉ cần sự đồng ý của người kia. Đối với trường hợp người cho con nuôi đang chấp hành hình phạt tù thì nên có quy định linh hoạt cho phép họ vắng mặt nhưng có giấy xác nhận của họ về việc thể hiện ý chí đồng ý cho con làm con nuôi người khác, có xác nhận của cơ quan quản lý.

3.4.2. Giải pháp về tổ chức, thực hiện

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi.

- Tuyên truyền rộng rãi nâng cao hiểu biết về pháp luật nuôi con nuôi.

- Tiếp tục nâng cao trình độ, nhận thức của cán bộ làm công tác đăng ký nuôi con nuôi, ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

Tiếp tục và thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về nuôi con nuôi để nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ làm công tác giải quyết việc nuôi con nuôi. Mở rộng hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, đặc biệt là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người... để nâng cao ý thức pháp luật của người dân.

KẾT LUẬN

Các quy định về điều kiện nuôi con nuôi ngày càng chặt chẽ và phù hợp với pháp luật quốc tế trong việc cho nhận con nuôi nhằm bảo đảm các quyền của trẻ em, bảo đảm việc nuôi con nuôi được tiến hành trên nguyên tắc nhân đạo, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Nuôi con nuôi là việc xác lập quan hệ cha mẹ và con không dựa trên quan hệ huyết thống tự nhiên nhằm hình thành một gia đình mới giống như gia đình gốc của trẻ. Do đó khi tham gia vào quan hệ nuôi con nuôi người nhận nuôi và người được nhận làm con nuôi phải thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp luật. Các điều kiện nuôi con nuôi theo Luật Nuôi con nuôi năm 2010 trên cơ sở kế thừa các quy định từ Luật HN & GD đã góp phần hoàn thiện các quy định bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con nuôi và đảm bảo thực thi có hiệu quả trong thực tế, ngăn chặn được những tiêu cực trục lợi, đảm bảo mục đích của việc xác lập quan hệ nuôi con nuôi lâu dài, bền vững.

Luận văn phân tích, đánh giá các điều kiện nuôi con nuôi theo luật nuôi con nuôi năm 2010, bao gồm các điều kiện đối với các chủ thể có liên quan trong việc cho nhận con nuôi và thủ tục, trình tự, thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trong đó các điều kiện nuôi con nuôi là cơ sở pháp lý, là điều kiện cần của việc nuôi con nuôi. Điều kiện đủ để việc nuôi con nuôi có giá trị pháp lý là sự thể hiện ý chí của các bên chủ thể về mong muốn xác lập quan hệ nuôi con nuôi bằng việc đi đăng ký nuôi con nuôi tại

cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sự thể hiện ý chí này là hoàn toàn tự nguyện, trung thực, không vụ lợi, không bị ép buộc, không bị đe dọa hay mua chuộc. Vì vậy trong quá trình thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi, các điều kiện của việc nuôi con nuôi phải được xem xét một cách đầy đủ và toàn diện. Nếu các bên không có đủ các điều kiện mà pháp luật quy định thì cơ quan đăng ký có quyền từ chối việc đăng ký này.

Việc phân tích, đánh giá quy định về điều kiện nuôi con nuôi để chỉ ra những điểm vướng mắc, bất cập, trên cơ sở đó nêu ra một vài kiến nghị để hoàn thiện pháp luật nuôi con nuôi. Theo đó việc sửa đổi, bổ sung thêm các quy định về điều kiện của người được nhận nuôi và người nhận nuôi con nuôi là thực sự cần thiết đảm bảo việc nuôi con nuôi đúng mục đích, trẻ em được nuôi dưỡng, giáo dục trong môi trường gia đình. Một số quy định cần sửa đổi như Luật Nuôi con nuôi nên bổ sung quy định trẻ em có điều kiện hoàn cảnh nhất định mới được cho làm con nuôi để đảm bảo mục đích của việc cho – nhận con nuôi là chỉ cho trẻ làm con nuôi khi trẻ không có sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của gia đình; Luật nên quy định độ tuổi tối thiểu và tối đa của người nhận nuôi con nuôi đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nuôi tốt nhất... Nuôi con nuôi là lĩnh vực nhạy cảm, ảnh hưởng lớn đến quyền lợi giữa các bên, đặc biệt là đối với trẻ em. Do đó, các quy định về điều kiện nuôi con nuôi phải chặt chẽ bảo đảm quyền sống trong môi trường gia đình của trẻ và tạo khung hành lang pháp lý bảo vệ trẻ em được cho làm con nuôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn!